

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI VÀ THẨM THỰC VẬT Ở TỈNH BẠC LIÊU

Đặng Văn Sơn¹, Nguyễn Thị Mai Hương¹, Nguyễn Lê Tuyết Dung²

¹Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu đã xác định được ở Bạc Liêu có 441 loài, 324 chi, 114 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Hạt trần (Pinophyta) và ngành Hạt kín (Magnoliophyta). Tài nguyên thực vật có ích cũng được thống kê, trong đó có 271 loài có giá trị làm thuốc, 71 loài làm cảnh, 42 loài làm thực phẩm, 22 loài cho gỗ và 7 loài làm gia dụng. Đã xác định được 3 loài thực vật có giá trị bảo tồn theo sách Đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ là Dải ngựa nước (*Aglaia spectabilis*), Chùm lê (*Azima sarmentosa*) và Vạn tuế (*Cycas revoluta*). Dạng thân của thực vật được chia làm 6 nhóm chính là cây thân thảo có 214 loài, cây bụi/bụi trườn có 94 loài, dây leo/dây leo hóa gỗ có 50 loài, gỗ nhỏ có 46 loài, gỗ lớn có 34 loài và bán ký sinh có 3 loài. Đồng thời, ghi nhận được 6 kiểu quần hợp thực vật hiện diện ở tỉnh Bạc Liêu.

Từ khóa: Bạc Liêu, đa dạng thực vật, thẩm thực vật, thành phần loài thực vật.

Diversity of species composition and vegetation in Bac Lieu province

The results of the study of species composition and vegetation in Bac Lieu Province recorded 441 species, 324 genera, 114 families that belonging to the three high - rank phyla of vascular plants including *Lycopodiophyta*, *Pinophyta* and *Magnoliophyta*. The plant resources were divided into five groups as follows: (1) medicinal plants with 271 species, (2) ornamental plants with 71 species, (3) vegetables plants with 42 species, (4) wood plants with 22 species, and (5) household plants with 7 species. Besides, 3 species include *Aglaia spectabilis*, *Azima sarmentosa* and *Cycas revoluta* were listed for conservation in the Vietnam Red Data Book (2007) and the Decision No 32/2006/NĐ-CP. Life forms of plants were divided into six groups including herbs with 214 species, shrubs with 94 species, lianas with 50 species, small trees with 46 species, big trees with 34 species and hemiparasites with 3 species. Moreover, 6 plant communities were identified in Bac Lieu province.

Key words: Bac Lieu, Floral diversity, Species composition, Vegetation.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạc Liêu là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ từ 9°00'00" đến 9°37'30" vĩ độ Bắc và từ 105°15'00" đến 105°52'30" kinh độ Đông, cách thành phố Hồ Chí Minh 280km về hướng Bắc. Phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sóc Trăng, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Cà Mau, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông. Phần lớn diện tích rừng của tỉnh Bạc Liêu là rừng phòng hộ (5.070ha) với hệ động thực vật khá đa dạng và phong phú. Theo "Báo cáo khảo sát hệ thực vật Khu bảo tồn thiên nhiên vườn chim Bạc Liêu" (2010) đã ghi nhận được 154 loài thuộc 68 họ thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 3 loài khuyết thực vật, 116 loài song tử diệp, 35 loài đơn tử diệp.

Trong những năm gần đây, do áp lực của quá trình đô thị hóa, dân số tăng, nạn khai thác nguồn tài nguyên rừng không phù hợp, cũng như ảnh hưởng của quá trình biến đổi khí hậu đã gây tác động nghiêm trọng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhiều sinh cảnh thực vật được thay thế bởi các khu đô thị mới, đất canh tác, ao nuôi tôm cá,... Mục đích của nghiên cứu này là điều tra tính đa dạng của các sinh cảnh thực vật cùng với giá trị tài nguyên của nó, nhằm cung cấp những dẫn liệu khoa học giúp các cơ quan ban ngành thuận lợi trong công tác quản lý, sử dụng và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương trước mắt và lâu dài.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

Toàn bộ thành phần loài và thảm thực vật ở tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành điều tra và thu mẫu thực vật theo tuyến thông qua các sinh cảnh khác nhau

như rừng ngập mặn, rừng tràm, các trảng,... thuộc các huyện Đông Hải, Vĩnh Lợi, Phước Long, Hòa Bình, Hồng Dân, Giá Rai và Tp. Bạc Liêu. Thời gian điều tra được thực hiện 6 đợt, mỗi đợt từ 7 - 10 ngày (tháng 4, 7 và 11/2014; tháng 2, 6 và 10/2015); mẫu vật được thu thập trong quá trình điều tra, được xử lý và chụp ảnh ngoài thực địa, và kèm theo lý lịch mẫu.

Để xác định các quần hợp thực vật, chúng tôi sử dụng phương pháp Braun - Blanquet (1964). Phương pháp này dựa trên thành phần loài hiện diện để xác định các hội đoàn thực vật và để đơn giản trong việc thực hiện ngoài thực địa chúng tôi chọn ô mẫu với kích thước tương đối cho các kiểu thảm thực vật khác nhau: ô mẫu có kích thước 20m × 20m đối với quần hợp cây gỗ và cây bụi; 1m × 1m đối với quần hợp đồng cỏ. Trong mỗi ô mẫu, tiến hành thu tiêu bản thực vật để xác định thành phần loài, mô tả các đặc điểm của thảm thực vật và ước lượng loài ưu thế.

Xác định tên khoa học của thực vật theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu chuyên ngành như: *Cây cỏ Việt Nam* của Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2003), *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam* của Nguyễn Tiến Bân (1997), *Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật* của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997),... đồng thời đối chiếu so mẫu với bộ mẫu chuẩn được lưu giữ ở Bảo tàng Thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Xác định dạng thân của thực vật dựa vào các tài liệu như Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) và Nguyễn Nghĩa Thìn (1997 - 2001). Xác định giá trị sử dụng dựa vào tài liệu của Võ Văn Chi (2012), Đỗ Tất Lợi (2009), Đỗ Huy Bích *et al.* (2006).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài

Qua kết quả phân tích các số liệu thu thập ngoài thực địa, đã ghi nhận được thành phần loài thực vật ở tỉnh Bạc Liêu có 441 loài, 324 chi, 114 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Hạt trần (Pinophyta) và ngành Hạt kín (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 9 loài (chiếm 2% tổng số loài), 8 chi (chiếm 2,5% tổng số chi), 6 họ (chiếm 5,3% tổng số họ); ngành Hạt trần (Pinophyta) có 2 loài (chiếm 0,5%), 2 chi (chiếm 0,6%), 2 họ (chiếm 1,8%) và ngành Hạt kín (Magnoliophyta) có 430 loài (chiếm 97,5%), 314 chi (chiếm 96,9%), 106 họ (chiếm 93%). Như vậy, từ số liệu cho thấy ngành Hạt kín chiếm ưu thế trong toàn hệ thực vật ở khu vực nghiên cứu.

Phân tích sâu hơn về ngành Hạt kín (Magnoliophyta) cho kết quả như sau: lớp hai lá mầm (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với số loài là 342 (chiếm 77,6% tổng số loài), số chi là 252 (chiếm 77,8% tổng số chi), số họ là 84 (chiếm 73,7% tổng số họ); lớp một lá mầm (Liliopsida) có tỷ lệ thấp hơn, với số loài là 88 (chiếm 20%), số chi là 62 (chiếm 19,1%) và số họ là 22 (chiếm 19,3%).

Có 10 họ có số lượng loài nhiều nhất với 185 loài chiếm 42% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu. Trong đó, họ có số lượng loài nhiều nhất phải kể đến là họ Đậu (Fabaceae) có 31 loài, kế đến là họ Cúc (Asteraceae) có 26 loài, họ Hòa thảo (Poaceae) có 22 loài, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) và họ Lác (Cyperaceae) mỗi họ đều có 18 loài, họ Cà phê (Rubiaceae) có 16 loài, họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae) và họ Bông (Malvaceae) mỗi họ có 15 loài, họ Ô rô (Acanthaceae) có 13 loài, và sau cùng là họ Hoa môi (Lamiaceae) có 11 loài.

Có 10 chi có số lượng loài nhiều nhất với 53 loài chiếm 12% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu. Trong đó, chi có số lượng loài nhiều nhất là chi Sung (*Ficus*) và chi Lác (*Cyperus*) mỗi chi đều có 9 loài; kế đến là chi Bìm bìm (*Ipomoea*) có 6 loài; chi Bụp (*Hibiscus*) có 5 loài; và sau cùng là các chi Cỏ sữa (*Euphorbia*), chi Rau mương (*Ludwigia*), chi Cà (*Solanum*), chi Ngọc nữ (*Cledodendrum*), chi Gừng (*Zingiber*) và chi Đầu đài (*Tylophora*) mỗi chi đều có 4 loài.

3.2. Đa dạng về dạng thân của thực vật

Dạng thân của thực vật ở khu vực nghiên cứu được chia thành 6 nhóm chính, gồm: cây thân thảo (C), cây bụi/bụi trườn (B), dây leo/dây leo hóa gỗ (DL), gỗ nhỏ (GN), gỗ lớn (GL) và bán ký sinh (BKS) (bảng 1).

Bảng 1. Thống kê các dạng thân của thực vật

STT	Dạng thân	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Cây thân thảo (C)	214	48,5
2	Cây bụi/bụi trườn (B)	94	21,3
3	Dây leo/dây leo hóa gỗ (DL)	50	11,3
4	Gỗ nhỏ (GN)	46	10,4
5	Gỗ lớn (GL)	34	7,7
6	Bán ký sinh (BKS)	3	0,7
	Tổng cộng	441	100

Từ bảng 1 cho thấy, nhóm cây thân thảo có số lượng loài nhiều nhất với 214 loài chiếm 48,5% tổng số loài trong toàn hệ thực vật, nhóm này phân bố hầu hết ở các sinh cảnh từ vùng ngập mặn, úng phèn, trảng, sân vườn, ven đường đi và trên đất canh tác; tập trung nhiều vào các họ như họ Hòa thảo (Poaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae), họ Cúc (Asteraceae), họ Lác (Cyperaceae), họ Hoa môi (Lamiaceae), họ Ô rô (Acanthaceae), họ Ráy (Araceae), họ Gừng (Zingiberaceae),... tiếp đến là nhóm cây bụi/bụi trườn có 94 loài chiếm 21,3% tổng số loài, nhóm này gồm các cây sống ở các trảng, dưới tán rừng, ven rừng, sân vườn, và ven đường đi hay ven các sông suối, tập trung chủ yếu vào các họ như họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Bông (Malvaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Đinh lăng (Araliaceae),... kế đến là nhóm dây leo có 50 loài chiếm 11,3%, nhóm này gồm các cây sống dưới tán rừng, bìa rừng, ven đường, hàng rào, tập trung vào một số họ như họ Khoai ngọt (Dioscoreaceae), họ Nho (Vitaceae), họ Bìm bìm (Convolvulaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Bầu bí (Cucurbitaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae),... tiếp đến là nhóm cây gỗ

nhỏ có 46 loài chiếm 10,4% và nhóm cây gỗ lớn có 34 loài chiếm 7,7%, hai nhóm này thường phân bố chủ yếu ở vùng ngập mặn, úng phèn và ven đường đi, tập trung chủ yếu vào các họ như họ Quao (Bignoniaceae), họ Bàng (Combretaceae), họ Đước (Rhizophoraceae), họ Long não (Lauraceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Bần (Sonneratiaceae), họ Dầu (Dipterocarpaceae),... và sau cùng là nhóm cây bán ký sinh có 3 loài chiếm 0,7%, nhóm này thường sống bám vào các cây gỗ nhỏ hay gỗ lớn để làm giá đỡ và tập trung vào một số ít họ như họ Chùm gửi (Loranthaceae), họ Đàn hương (Santalaceae). Như vậy, nhóm cây thân thảo chiếm tỷ trọng cao nhất (48,5%) trong số các dạng thân của thực vật ở khu vực nghiên cứu, nó đóng trò quan trọng tạo nên sự đa dạng về thành phần loài, cung cấp nguồn tài nguyên thực vật, giảm tiếng ồn, chống ô nhiễm và điều hòa khí hậu.

3.3. Đa dạng về giá trị sử dụng

Từ số liệu thu được trong quá trình điều tra thực địa kết hợp với các tài liệu đã công bố về công dụng của thực vật ở Việt Nam, chúng tôi xác định được ở khu vực nghiên cứu có 413 loài chiếm 93,7% tổng số loài có giá trị sử dụng và tạm chia thành 5 nhóm công dụng như sau (bảng 2).

Bảng 2. Thống kê các nhóm công dụng của thực vật

STT	Công dụng	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Nhóm cây làm thuốc	271	61,5
2	Nhóm cây làm cảnh	71	16,1
3	Nhóm cây làm thực phẩm	42	9,5
4	Nhóm cây cho gỗ	22	5,0
5	Nhóm cây gia dụng	7	1,6
	Tổng cộng	413	93,7

Nhóm cây làm thuốc: Có 271 loài có giá trị làm thuốc chiếm 61,5% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu, những bài thuốc từ các loài cây thuốc được người dân địa phương hay các cơ sở bốc thuốc từ thiện sử dụng để chữa trị những bệnh thông thường như cảm cúm, sốt, sốt cao, ho, lở loét, mẩn ngứa, thanh nhiệt, giải độc, đau răng hay nhiều bệnh khác; các loài cây thuốc được sử dụng phổ biến như: Hà thủ ô (*Streptocaulon juvenas*), Song nha lông (*Bidens pilosa*), Sả (*Cymbopogon citratus*), Tràm (*Melaleuca cajuputi*), Hương nhu tía (*Ocimum tenuiflorum*), Xiên tâm liên (*Andrographis paniculata*), Chó đẻ xanh (*Phyllanthus amarus*), Cam thảo nam (*Scoparia dulcis*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Tầm phồng (*Cardiospermum halicacabum*), Mơ lông (*Paederia lanuginosa*), Húng chanh (*Plectranthus amboinicus*), Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*), Sâm đại hành (*Eleutherine bulbosa*), Đinh lăng (*Polyscias fruticosa*), Nhàu (*Morinda citrifolia*), Ngải tím (*Curcuma zedoaria*), Ngải xanh (*Zingiber zerumbet*),... Đặc biệt là kết quả nghiên cứu cũng đã thống kê được ở tỉnh Bạc Liêu có 76 loài cây thuốc nằm trong Danh mục vị thuốc Y học cổ truyền và Danh mục cây thuốc mẫu của Bộ Y tế (2013). Những vị thuốc từ các loài này được sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh và là căn cứ để các cơ sở khám chữa bệnh lựa chọn, bảo đảm nhu cầu điều trị và thanh toán tiền thuốc cho các đối tượng người bệnh, người bệnh có thể bảo hiểm y tế.

Nhóm cây làm cảnh: Có 71 loài chiếm 16,1% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu, nhóm này có hai công dụng, bên cạnh giá trị thẩm mỹ như cho hoa đẹp, cây cảnh, bonsai, cho bóng mát còn có giá trị làm thuốc chữa bệnh; các loài phổ biến như: Mai chiếu thủy (*Wrightia*

religiosa), Lưỡi hổ (*Sansevieria trifasciata*), Chân chim bầu dục (*Schefflera elliptica*), Đùng đĩnh (*Caryota mitis*), Dây giung (*Combretum indicum*), Me (*Tamarindus indica*), Lim vàng (*Peltophorum dasyrrachis*), Móng bò (*Bauhinia purpurea*), Long não (*Cinnamomum camphora*), Búp tía (*Hibiscus radiatus*), Ngâu (*Aglaia odorata*), Đa búp đỏ (*Ficus elastica*), Lài (*Jasminum sambac*), Ô rỗng (*Platynerium grande*), Trang hoa đỏ (*Ixora coccinea*),...

Nhóm cây làm thực phẩm: Có 42 loài chiếm 9,5% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu, nhóm này gồm các loài cây ăn được như cho gia vị, làm rau, cho quả ăn được và các bộ phận khác ăn được; người dân địa phương thường sử dụng trong bữa cơm gia đình như là nguồn rau xanh đồng thời cũng là bài thuốc dân gian chữa các bệnh thông thường, các loài phổ biến như Choại (*Stenochlaena palustris*), Rau nhút (*Neptunia oleracea*), Rau má (*Centella asiatica*), Lá gai (*Boehmeria nivea*), Lù lù đục (*Physalis angulata*), Diếp cá (*Houttuynia cordata*), Tầm phồng (*Cardiospermum halicacabum*), Sả (*Cymbopogon citratus*), Càng cua (*Peperomia pellucida*), Rau bợ (*Marsilea quadrifolia*), Súng đỏ (*Nymphaea rubra*), Sen (*Nelumbo nucifera*), Chùm ngây (*Moringa oleifera*), Bồ ngót (*Sauropus androgynus*),...

Nhóm cây cho gỗ: Có 22 loài chiếm 5% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu, nhóm này được sử dụng để lấy gỗ dùng trong xây dựng, đóng các đồ dùng gia đình, tàu thuyền hoặc lấy củi; ngoài ra một số bộ phận khác như tinh dầu, rễ, vỏ thân, lá cũng được dùng làm thuốc chữa bệnh; các loài thường gặp như: Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Tràm (*Melaleuca cajuputi*), Tra lâm vồ (*Thespesia populnea*), Đước (*Rhizophora apiculata*), Vẹt đen (*Bruguiera sexangula*), Quao nước (*Dolichandrone spathacea*), Lòng

mức lông (*Wrightia pubescens*), Dầu rái (*Dipterocarpus alatus*), Sao đen (*Hopea odorata*), Chum bầu (*Combretum quadrangulare*),...

Nhóm cây gia dụng: Có 7 loài chiếm 1,6% tổng số loài ở khu vực nghiên cứu, nhóm này thường được sử dụng vào mục đích đan lát, bệnh dây, lợp nhà, dây cột, chất đốt hay các đồ gia công mỹ nghệ; các loài như: U du to (*Cyperus grandis*), Cú ma (*Cyperus polystachyos*), U du cao (*Cyperus exaltatus*), Tra lâm vồ (*Thespesis populnea*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Năng cạnh nhọn (*Eleocharis acutangula*) và Bụt tra (*Hibiscus tiliaceus*).

3.4. Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Để có chính sách ưu tiên và biện pháp bảo vệ có hiệu quả thì việc xác định các loài bị đe dọa trong một khu vực nghiên cứu đóng vai trò vô cùng quan trọng, theo Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, thì ở Bạc Liêu có 3 loài cây thuốc (chiếm 0,7% tổng số loài) có giá trị bảo tồn gồm: Dải ngựa nước (*Aglaia spectabilis*), Chùm lé (*Azima sarmentosa*), Vạn tuế (*Cycas revoluta*). Các thứ hạng bảo tồn của các loài được xếp như sau (bảng 3):

Bảng 3. Thông kê các loài bị đe dọa cần được bảo vệ

STT	Tên thực vật	SĐVN - 2007	NĐ 32/2006
1	Dải ngựa nước (<i>Aglaia spectabilis</i>)	x	
2	Chùm lé (<i>Azima sarmentosa</i>)	x	
3	Vạn tuế (<i>Cycas revoluta</i>)		x

Theo Sách đỏ Việt Nam (2007) thì Chùm lé (*Azima sarmentosa*) được xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN - Endangered), đây là loài có vùng phân bố hẹp nhưng thường bị tác động về môi trường sống bởi yếu tố con người và luôn bị khai thác kiệt để làm thuốc; và loài Dải ngựa nước (*Aglaia spectabilis*) được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU - Vulnerable), đây là loài bị khai thác nhiều cho mục đích lấy gỗ và môi trường sống mất dần do diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp.

Theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ thì Vạn tuế (*Cycas revoluta*) được xếp trong nhóm IIA - tức là nhóm thực vật rừng hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại.

3.5. Đa dạng các kiểu thảm thực vật

Quần hợp Mắm (Avicennia spp.): Đây là quần hợp hiện diện dọc theo ven biển và rải rác hai bên bờ các kênh mương nội đồng, với các loài

Mắm (*Avicennia officinalis*), Mắm đen (*Avicennia marina*) và Mắm ổi (*Avicennia marina* var. *rumphiana*) chiếm ưu thế trong quần hợp, các loài này tiên phong lấn biển và hạt của nó thường tồn tại lâu theo dòng nước, khi thủy triều rút đi hạt Mắm nằm lại trên đất bùn và phát triển thành các dải rừng Mắm ven bờ biển, sông, kênh mương. Bên cạnh Mắm còn có một số loài thực vật ngập mặn khác mọc xen nhưng ít và thưa như: Đà đen (*Ceriops decandra*), Đà vôi (*Ceriops tagal*), Vẹt trụ (*Ceriops tagal*), Đước (*Rhizophora apiculata*), Giá (*Excoecaria agallocha*), Lác hén (*Actinoscirpus grossus*),... Quần hợp này gặp phổ biến ở huyện Đông Hải, Hòa Bình và thành phố Bạc Liêu.

Quần hợp Chà là (Phoenix paludosa) - Tra lâm vồ (Thespesis populnea): Đây là quần hợp chiếm ưu thế ở khu vực nghiên cứu, phân bố từ vùng nước lợ đến sâu vào các kênh mương nội đồng, tập trung nhiều nhất ở Khu bảo tồn thiên nhiên vườn chim Bạc Liêu, hai loài Chà

là (*Phoenix paludosa*) và Tra lâm vô (*Thespesia populnea*) chiếm ưu thế trong quần hợp. Bên cạnh đó còn có nhiều loài khác mọc xen như: Ô rô (*Acanthus ilicifolius*), Hải châu (*Sesuvium portulacastrum*), Hải cúc hai hoa (*Wollastonia biflora*), Quao nước (*Dolichandrone spathacea*), Mù u (*Calophyllum inophyllum*), Cóc trắng (*Lumnitzera racemosa*), Giá (*Excoecaria agallocha*), Cóc kèn (*Derris trifolia*), Chùm lé (*Azima sarmentosa*), Bần chua (*Sonneratia caseolaris*), Ngọc nữ biển (*Clerodendrum inerme*), Lác nước (*Cyperus malaccensis*), Lác biển (*Scirpus littoralis*).

Quần hợp Cóc trắng (*Lumnitzera racemosa*) - Bần (*Sonneratia* spp.): Đây là quần hợp thường gặp ở những nơi có độ mặn trung bình đến các vùng nước lợ sâu bên trong nội đồng, trong đó các loài Cóc trắng (*Lumnitzera racemosa*), Bần chua (*Sonneratia caseolaris*) và Bần trắng (*Sonneratia alba*) là những loài chiếm ưu thế. Mọc xen còn có nhiều loài chịu lợ và ưa phèn khác như: Ô rô trắng (*Acanthus ebracteatus*), Chà là (*Phoenix paludosa*), Dừa nước (*Nypa fruticans*), Bọt ếch biển (*Glochidion littorale*), Giá (*Excoecaria agallocha*), Bụp tra (*Hibiscus tiliaceus*), Sứ (*Aegiceras corniculatum*), Ráng đại (*Acrostichum aureum*),... Quần hợp này gặp nhiều ở thành phố Bạc Liêu và huyện Đông Hải.

Quần hợp Đước (*Rhizophora apiculata*) - Đưng (*Rhizophora mucronata*): Đây là quần hợp hiện diện dọc theo ven biển, hai bên bờ các kênh đào dẫn nước biển nuôi tôm hay được trồng để giữ đất ở các ao đầm nuôi tôm, quần thể Đước (*Rhizophora apiculata*) chiếm ưu thế, và mọc xen về phía bờ còn có loài Đưng (*Rhizophora mucronata*) hiện diện. Bên cạnh đó còn có một số loài mọc rải rác như: Ô rô (*Acanthus ilicifolius*), Đà vôi (*Ceriops tagal*), Đà đen (*Ceriops decandra*), Mắm đen (*Avicennia marina*), Ráng đại (*Acrostichum aureum*), Lác biển (*Scirpus littoralis*),... Quần hợp này gặp ở các vùng ven biển của huyện Hòa Bình, Đông Hải và thành phố Bạc Liêu.

Quần hợp thực vật trên đất hoang hóa: Đây là quần hợp không có loài chiếm ưu thế và không chịu ảnh hưởng của đất ngập mặn, thành phần thực vật chủ yếu là cây thân thảo và dây leo, ít cây bụi và cây gỗ. Thành phần loài trong quần hợp là những loài phổ biến có mặt hầu hết ở các tỉnh vùng Tây Nam Bộ, các loài thường gặp: Đinh lịch (*Hygrophila salicifolia*), Cỏ sước (*Achyranthes aspera*), Dền gai (*Amaranthus spinosus*), Bình bát (*Annona glabra*), Rau má (*Centella asiatica*), Cộng sản (*Eupatorium odoratum*), Bọ xít (*Synedrella nodiflora*), Bạch đầu ông (*Vernonia cinerea*), Vòi voi (*Heliotropium indicum*), U du (*Cyperus grandis*), Chổi đực (*Sida acuta*), Súng đỏ (*Nymphaea rubra*), Chó đẻ xanh (*Phyllanthus amarus*), Cỏ lồng vực (*Echinochloa colona*), Lù lù đực (*Solanum americanum*), Vác (*Cayratia trifolia*), Nhãn lồng (*Passiflora foetida*),... Quần hợp này gặp nhiều ở các huyện Hồng Dân, Phước Long, Vĩnh Lợi và Giá Rai.

Quần hợp cây trồng: Bên cạnh các quần hợp thực vật tự nhiên là các rừng trồng và cây hoa màu, phần lớn là cây lâu năm như: Tràm, cây ăn quả và các loại cây ngắn ngày như ngô, đậu đỗ và nhiều loại hoa màu khác. Ngoài ra, còn có sự tham gia của một số loài cây hoang dại mọc xen như: Trái nỏ (*Ruellia tuberosa*), Rau đắng đất (*Glinus oppositifolius*), Cỏ tam khôi (*Trianthema portulacastrum*), Diếp bò (*Alternanthera sessilis*), Dền (*Amaranthus lividus*), Song nha lông (*Bidens pilosa*), Chân vịt ần (*Sphaeranthus indicus*), Ké đầu ngựa (*Xanthium inaequilaterum*), Mần mần tím (*Cleome chelidonii*), Trai thường (*Commelina communis*), Cú ma (*Cyperus polystachyos*), Cỏ sữa lá lớn (*Euphorbia hirta*), Muồng tây (*Cassia occidentalis*), Diên điển (*Sesbania cannabina*), Ích mẫu (*Leonurus artemisia*), Trứng cua lá bó (*Melochia corchorifolia*),... Quần hợp này hiện diện ở tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Thảo luận

Bạc Liêu là một trong những địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, thế nhưng hệ thực vật ở đây khá phong phú và đa dạng (với 441 loài), góp phần hình thành nên các kiểu thảm thực vật, tạo vành đai rừng ngập mặn chắn gió, ngăn mặn, chống xói lở và đặc biệt là bãi ươm nuôi cho nhiều loài thủy hải sản. Với vai trò to lớn như vậy, chúng ta cần có những biện pháp bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên bằng cách tôn tạo, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên hiện có, trồng mới và tái sinh rừng ngập mặn ven biển, theo dõi sự xâm nhập mặn do mực nước biển dâng và tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền cho người dân về các giá trị và tầm quan trọng của hệ sinh thái rừng ngập mặn, cũng như nguồn lợi thu được từ hệ sinh thái này, đồng thời phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ rừng.

Các quần hợp thực vật ở tỉnh Bạc Liêu đang ngày càng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tác động của con người như: khai thác rừng ngập mặn làm du lịch sinh thái, phá rừng để làm ruộng tôm, khai thác gỗ, củi, đắp đê ngăn mặn. Vì vậy, cần theo dõi giám sát chất lượng rừng mà đặc biệt là rừng ngập mặn để kịp thời ngăn chặn, xử lý các vấn đề làm suy giảm nguồn tài nguyên đa dạng sinh học. Đây là nhiệm vụ quan trọng mà các ban ngành ở địa phương cần quan tâm để giảm nhẹ các tác động đến môi trường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây ra.

Trong số các loài thực vật ghi nhận được ở tỉnh Bạc Liêu thì Mai dương (*Mimosa pigra*) và Lục bình (*Eichhornia crassipes*) là hai loài cần được lưu ý nhất. Bởi vì, đây là những loài ngoại lai mà hiện nay được xem là có tác động xấu đến các hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái đất ngập nước. Trong khu vực nghiên cứu, Mai dương (*Mimosa pigra*) có mặt hầu hết ở

các huyện, tuy nhiên với số lượng cá thể không nhiều, do vậy cần sớm có biện pháp phòng trừ chúng để ngăn chặn sự bùng phát cũng như xâm lấn môi trường sống của các loài thực vật bản địa; còn loài Lục bình (*Eichhornia crassipes*) thì hiện diện ở các sông, kênh rạch, chúng ngăn chặn dòng chảy và gây trở ngại cho giao thông đường thủy.

IV. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu có 441 loài, 324 chi, 114 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Hạt trần (Pinophyta) và ngành Hạt kín (Magnoliophyta).

Đã xác định được ở khu vực nghiên cứu có 413 loài chiếm 93,7% tổng số loài có giá trị sử dụng và được chia thành 5 nhóm công dụng như sau: làm thuốc có 271 loài, làm cảnh có 71 loài, thực phẩm có 42 loài, cho gỗ có 22 loài, và gia dụng có 7 loài.

Có 3 loài (chiếm 0,7% tổng số loài) có giá trị bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ gồm: Dái ngựa nước (*Aglaia spectabilis*), Chùm lé (*Azima sarmentosa*) và Vạn tuế (*Cycas revoluta*).

Thực vật ở tỉnh Bạc Liêu được chia làm 6 nhóm dạng thân chính, đó là: cây thân thảo có 214 loài, cây bụi/bụi trườn có 94 loài, dây leo/dây leo hóa gỗ có 50 loài, gỗ nhỏ có 46 loài, gỗ lớn có 34 loài và bán ký sinh có 3 loài.

Đã ghi nhận được 6 kiểu quần hợp thực vật ở khu vực nghiên cứu gồm: Quần hợp Mâm (*Avicennia* spp.), quần hợp Chà là (*Phoenix paludosa*) - Tra lâm vồ (*Thespesia populnea*), quần hợp Cóc trắng (*Lumnitzera racemosa*) - Bần (*Sonneratia* spp.), quần hợp Đước (*Rhizophora apiculata*) - Đưng (*Rhizophora mucronata*), quần hợp thực vật trên đất hoang hóa và quần hợp cây trồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Đỗ Huy Bích, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I, II. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
4. Braun - Blanquet, J., 1964. Pflanzensoziologie. Grundzüge der Vegetationskunde. Ed. 3. Springer. Verlag. 865pp. Wien.
5. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1, 2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Phạm Hoàng Hộ. 1999 - 2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 2, 3. Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Đỗ Tất Lợi, 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2001. Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông Nghệ An. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Thái Văn Trùng, 1998. Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
11. Lưu Hồng Trường, Nguyễn Hữu Tuấn, 2010. Khảo sát đa dạng thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên vườn chim Bạc Liêu. Dự án Nâng cao năng lực cho cán bộ KBTNN vườn chim Bạc Liêu để phục hồi và quản lý các sinh cảnh của Khu bảo tồn, Tài trợ bởi Quỹ Bảo tồn Việt Nam (VCF).

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa